

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định tiêu chí phân loại thôn, xóm, tổ dân phố
trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố; Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03 ngày 12 năm 2018 của Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 334/TTr-SNV ngày 07 tháng 10 năm 2019 về dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định tiêu chí phân loại thôn, xóm, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định tiêu chí phân loại thôn, xóm, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2019 và thay thế Quyết định số 23/2013/QĐ-UBND ngày 20/11/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định tiêu chí phân loại thôn, xóm, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ; Bộ Nội vụ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Cục Kiểm tra văn bản, Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế, Bộ Nội vụ;
- Như Điều 3;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- UB MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Các sở, ban, ngành của tỉnh;
- Thường trực: HU, ThU, HĐND huyện, thành phố;
- Báo Tuyên Quang;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Phòng Tin học - Công báo, VP UBND tỉnh;
- TP, PTP Nội chính;
- Lưu: VT, NC (Thg).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phạm Minh Huấn

QUY ĐỊNH

Tiêu chí phân loại thôn, xóm, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

(Ban hành kèm theo Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND

ngày 16 tháng 10 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về: Nguyên tắc; tiêu chí; phân loại thôn, xóm (gọi chung là thôn), tổ dân phố; phương pháp, cách tính điểm; thẩm quyền; hồ sơ; điều chỉnh phân loại và trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong việc phân loại thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với thôn, tổ dân phố; Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã); Ủy ban nhân dân huyện, thành phố (gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện) và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Điều 3. Nguyên tắc phân loại thôn, tổ dân phố

1. Căn cứ vào các quy định của Trung ương và phù hợp với thực tế của địa phương.

2. Đảm bảo tính thống nhất, khoa học, khách quan; làm cơ sở để quản lý và thực hiện chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố.

Chương II PHÂN LOẠI THÔN, TỔ DÂN PHỐ

Điều 4. Tiêu chí phân loại thôn, tổ dân phố

1. Quy mô số hộ gia đình: Được xác định theo sổ đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn, tổ dân phố tính đến thời điểm rà soát phân loại theo số liệu quản lý thực tế của địa phương.

2. Các yếu tố đặc thù gồm:

a) Tỷ lệ người dân tộc thiểu số từ 50% trở lên: Được xác định theo số nhân khẩu người dân tộc thiểu số so với tổng số nhân khẩu của thôn, tổ dân phố đã đăng ký hộ khẩu thường trú tính đến thời điểm rà soát phân loại theo số liệu quản lý thực tế của địa phương.

b) Thôn, tổ dân phố thuộc xã, phường, thị trấn trọng điểm, phức tạp về an ninh trật tự: Được xác định theo văn bản của cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, công nhận.

c) Thôn đặc biệt khó khăn hoặc thôn thuộc xã vùng cao; tổ dân phố thuộc thị trấn vùng cao: Được xác định theo văn bản của cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, công nhận.

Điều 5. Phân loại thôn, tổ dân phố

Thôn, tổ dân phố được phân loại thành 03 loại:

1. Thôn, tổ dân phố loại 1: Đạt từ 90 điểm trở lên.
2. Thôn, tổ dân phố loại 2: Đạt từ 80 điểm đến dưới 90 điểm.
3. Thôn, tổ dân phố loại 3: Dưới 80 điểm.

Điều 6. Phương pháp, cách tính điểm phân loại thôn, tổ dân phố

1. Phân loại thôn, tổ dân phố bằng phương pháp tính điểm theo tiêu chí quy định tại Điều 4 Quy định này.

2. Điểm phân loại thôn, tổ dân phố là tổng số điểm đạt được của các tiêu chí.

3. Cách tính điểm của các tiêu chí:

a) Quy mô số hộ gia đình:

Thôn có quy mô số hộ gia đình từ 75 hộ trở xuống, tổ dân phố có quy mô số hộ gia đình từ 100 hộ trở xuống được tính 65 điểm.

Thôn có quy mô số hộ gia đình trên 75 hộ, tổ dân phố có quy mô số hộ gia đình trên 100 hộ thì cứ thêm 10 hộ được cộng 02 điểm.

b) Các yếu tố đặc thù:

Mỗi yếu tố đặc thù quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 2 Điều 4 Quy định này được tính 05 điểm.

Điều 7. Thẩm quyền phân loại thôn, tổ dân phố

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phân loại thôn, tổ dân phố.

Điều 8. Hồ sơ phân loại thôn, tổ dân phố

1. Hồ sơ Ủy ban nhân dân cấp xã trình Ủy ban nhân dân cấp huyện, gồm:

- a) Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp xã.
- b) Biểu thống kê quy mô số hộ gia đình và các yếu tố đặc thù.
- c) Biểu tổng hợp tính điểm các tiêu chí và dự kiến phân loại.

d) Tài liệu khác kèm theo (các văn bản của cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, công nhận: Thôn đặc biệt khó khăn; thôn, tổ dân phố thuộc xã, phường, thị trấn trọng điểm, phức tạp về an ninh trật tự; thôn thuộc xã vùng cao; tổ dân phố thuộc thị trấn vùng cao,...).

2. Hồ sơ Ủy ban nhân dân cấp huyện trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp huyện kèm theo biểu tổng hợp kết quả dự kiến phân loại thôn, tổ dân phố.

b) Báo cáo thẩm định hồ sơ phân loại thôn, tổ dân phố trên địa bàn của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

c) Hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Sở Nội vụ tổng hợp, thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định việc phân loại thôn, tổ dân phố theo đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Điều 9. Điều chỉnh phân loại thôn, tổ dân phố

1. Hằng năm, Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo rà soát tình hình thực tế của thôn, tổ dân phố, căn cứ tiêu chí phân loại, hồ sơ phân loại tại Quy định này trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (gửi Sở Nội vụ tổng hợp, thẩm định) xem xét, quyết định điều chỉnh phân loại thôn, tổ dân phố (nếu có).

2. Trường hợp đổi tên thôn, tổ dân phố theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh mà không thay đổi loại thôn, tổ dân phố thì loại của thôn, tổ dân phố mới là loại của thôn, tổ dân phố trước khi đổi tên, không phải thực hiện việc phân loại lại.

3. Trường hợp đổi tên thôn, tổ dân phố theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh mà có thay đổi loại thôn, tổ dân phố thì Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện quy định tại khoản 1 Điều này.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Trách nhiệm của Sở Nội vụ

1. Chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc và kiểm tra việc thực hiện Quy định này.

2. Tổng hợp, thẩm định đề nghị phân loại thôn, tổ dân phố; đề nghị điều chỉnh phân loại thôn, tổ dân phố của Ủy ban nhân dân cấp huyện, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 11. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

Chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc, thẩm định hồ sơ đề nghị phân loại thôn, tổ dân phố của Ủy ban nhân dân cấp xã đảm bảo theo đúng quy định.

Điều 12. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Tổ chức rà soát toàn bộ các thôn, tổ dân phố hiện có; đối chiếu với các tiêu chí tại Quy định này, lập hồ sơ phân loại thôn, tổ dân phố trình Ủy ban nhân dân cấp huyện thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định phân loại thôn, tổ dân phố đảm bảo chính xác, đúng quy định; hoàn thành trước ngày 15/11/2019.

2. Hằng năm tổ chức rà soát thôn, tổ dân phố; lập hồ sơ đề nghị điều chỉnh phân loại thôn, tổ dân phố (nếu có) theo Quy định này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc vượt quá thẩm quyền giải quyết, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (gửi Sở Nội vụ tổng hợp, đề xuất) để xem xét, giải quyết hoặc sửa đổi, bổ sung Quy định này cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phạm Minh Huân

